

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/02/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi T Khanh.

Ông Võ Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 393/2021/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bích N, sinh năm: 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre

+ Bị đơn: Anh Đặng Thanh T, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Nguyên đơn chị Phan Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Long

Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Chị N và anh T sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay.

Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N khai, chị N và anh T có 01 người con chung tên là: Đặng Thị Diễm Tuyền, sinh ngày: 13/5/2006 hiện đang sống chung với chị Ngân, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai, trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh T có nợ chị Phan Thị T, sinh năm: 1983, địa chỉ: ấp L, xã T, huyện H số tiền 200.000.000 đồng. Chị N yêu cầu chia đôi nợ chung.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử bị đơn là anh Đặng Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị N về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng. Vào đầu năm 2019 chị N có nộp đơn xin ly hôn với anh Tuấn, sau đó chị N rút đơn xin ly hôn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Vợ chồng về tiếp tục chung sống nhưng vẫn phát sinh mâu thuẫn và thường hay cãi vã, vợ chồng ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh T không đồng ý ly hôn vì anh T vẫn còn tình cảm với chị N.

Về con chung: Anh T khai, chị N và anh T có 01 người con chung tên là: Đặng Thị Diễm T, sinh ngày: 13/5/2006 hiện đang sống chung với chị N. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi con chung, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T khai có tài sản chung nhưng không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị T có đơn từ chối tham gia tố tụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ 200.000.000 đồng của vợ chồng chị Ngân, anh Tuấn.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với anh T Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N được tiếp tục nuôi cháu Đặng Thị Diễm T, sinh ngày: 13/5/2006 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai không có, anh T khai có tài sản chung nhưng không tranh chấp không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Chị T không tranh chấp nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Phan Thị Bích N khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Đặng Thanh T và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 02/7/2020 của Công an xã T, huyện H. Anh Đặng Thanh T có đăng ký thường trú tại: ấp L, xã T, huyện H và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Đặng Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng anh Đặng Thanh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Đặng Thanh T.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 35 ngày 14/6/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, chị N và anh T vẫn sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị N và anh T đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N vẫn cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh Tuấn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

Về con chung: Chị N khai, chị N và anh T có 01 người con chung tên là: Đặng Thị Diễm T, sinh ngày: 13/5/2006 hiện đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu T đang sống chung với chị Ngân, cháu Tuyền có nguyện vọng được chung sống với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con chung. Nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Tuyền do đó giao cháu Tuyền cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị N khai không có, anh T khai có tài sản chung nhưng không tranh chấp không yêu cầu tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này chị Ngân, anh T có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

Về nợ chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này chị T, chị Ngân, anh T có tranh chấp về nợ chung thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51; 56; 57; 58; 59; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Bích N đối với anh Đặng Thanh T. Chị Phan Thị Bích N được ly hôn với anh Đặng Thanh T.

[2] Về con chung: Chị Phan Thị Bích N và Đặng Thanh T có 01 người con chung tên là: Đặng Thị Diễm T, sinh ngày: 13/5/2006.

Giao cháu Đặng Thị Diễm T cho chị Phan Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đặng Thị Diễm T thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Bích Bích N không yêu cầu anh Đặng Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Anh Đặng Thanh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Phan Thị Bích N.

Sau khi ly hôn, anh Đặng Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Đặng Thanh T không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phan Thị Bích N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đặng Thanh T.

Anh Đặng Thanh T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị Phan Thị Bích N.

Chị Phan Thị Bích N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đặng Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị Phan Thị Bích N khai không có, anh Đặng Thanh T khai có tài sản chung nhưng không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này chị Phan Thị Bích N và anh Đặng Thanh T có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Chị Phan Thị Thủy không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này chị Phan Thị T, chị Phan Thị Bích N và anh Đặng Thanh T có tranh chấp về nợ chung thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

[5] Về án phí sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị Phan Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phan Thị Bích N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001933 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Phan Thị Bích N đã nộp đủ án phí.

[6] Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị Bích N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Đặng Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Long Hòa, huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải